

Tiết 2

II - SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ

I - Mục tiêu bài học

Xem mục tiêu chung của bài.

II - Những điều cần lưu ý

1. Về kinh tế

– *Sản xuất nông nghiệp* : Nông dân được làng xã chia ruộng đất để sản xuất và có nghĩa vụ nộp thuế, đi lính, làm các công việc lao dịch vì lợi ích chung. Nông dân phấn khởi sản xuất, thêm vào đó là nhà nước coi trọng và khuyến khích sản xuất như làm các công trình thủy lợi ; bản thân nhà vua vào mùa xuân hằng năm cũng về địa phương và tự cày máy đường... để khuyến nông. Năm 987, cả nước được mùa to.

– *Thủ công nghiệp* : Các nghề thủ công cổ truyền như đúc đồng, rèn sắt, làm giấy, dệt vải, làm đồ gốm... phát triển hơn trước. Ở kinh đô Hoa Lư có một số xưởng thủ công của nhà nước chuyên rèn đúc vũ khí, đúc tiền. Đặc biệt việc xây dựng kinh đô, nhất là chùa chiền, phát triển khá mạnh.

– *Thương nghiệp* : Việc trao đổi mua bán trong nước phát triển. Từ năm 976, thuyền buôn các nước ngoài cũng đến trao đổi buôn bán với nước ta. Đặc biệt nhân dân miền biên giới Việt – Tống vẫn tiếp tục trao đổi hàng hoá với nhau như thời gian trước.

2. Về xã hội và văn hoá

– Xã hội gồm ba tầng lớp : *Tầng lớp thống trị* (gồm vua, quan lại và một số nhà sư) ; dưới là *tầng lớp bị trị* (gồm nông dân, thợ thủ công, những người làm nghề buôn bán và một số ít địa chủ) ; cuối cùng là *tầng lớp nô tì*.

– Làng xã là nơi sinh sống và hoạt động văn hoá chủ yếu của nhân dân : nhân dân từng làng, xã đóng góp xây dựng đình, chùa, trường học. Những ngày lễ hội có nhiều trò vui chơi, ca hát, nhảy múa... thu hút đa số dân làng tham gia.

III - Thiết bị, tài liệu cần cho bài giảng

Một số tranh ảnh, hiện vật có liên quan đến nội dung bài giảng.

IV - Gợi ý thực hiện bài giảng

1. Giới thiệu bài mới

Nhắc lại sơ qua về tình hình Đại Cồ Việt sau kháng chiến chống Tống để thấy rõ yêu cầu phải xây dựng một nền kinh tế, văn hoá độc lập tự chủ.

2. Dạy và học bài mới

Mục 1 – Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ

– *Về sản xuất nông nghiệp* : Thời Đinh – Tiền Lê, phần lớn ruộng đất là ruộng đất công làng xã. Nông dân được làng xã chia ruộng để cày cấy, có nghĩa vụ nộp thuế và đi lính cho nhà vua. Ngoài ra, họ còn phải tham gia đào đường, xây thành, làm thuỷ lợi... Ngoài việc cày cấy trên những mảnh ruộng do làng xã chia cho, nông dân còn tích cực khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích trồng trọt.

Về câu hỏi giữa mục 1, GV cần nói thêm : nông nghiệp thời kì này đã phát triển, biểu hiện là được mùa liên tục. Đó là do Nhà nước chú trọng đến thuỷ lợi, có biện pháp khuyến nông. Hằng năm vào mùa xuân, nhà vua tổ chức lễ cày tịch điền và tự mình cày mấy đường để động viên, khuyến khích nhân dân tích cực tham gia sản xuất.

– *Về thủ công nghiệp*, GV có thể kết hợp hỏi HS và trình bày thêm các sự kiện sau : ở kinh đô Hoa Lư có một số xưởng thủ công nhà nước, tập trung những người thợ khéo trong nước chuyên rèn đúc vũ khí, đóng thuyền, đúc tiền, may quần áo, mũ, giày cho vua, quan và binh sĩ. Trong nước, các nghề thủ công cổ truyền như đúc đồng, rèn sắt, làm giấy, dệt vải lụa, làm đồ gốm, đồ mộc... đều phát triển hơn trước.

GV tham khảo đoạn in nghiêng trong SGK để mô tả về Hoa Lư.

Để củng cố phần này, GV nên đặt câu hỏi cho HS suy nghĩ và trả lời về nguyên nhân sự phát triển của thủ công nghiệp (đó là do đất nước đã giành được độc lập dân tộc, các thợ thủ công lành nghề không còn bị bắt đưa sang Trung Quốc làm việc như thời Bắc thuộc ; do bản tính cần cù và kinh nghiệm sản xuất lâu đời của nhân dân ta truyền lại).

– *Về thương nghiệp*, GV trình bày và nhấn mạnh : Từ năm 976, thuyền buôn các nước ngoài vào nước ta, dâng nhiều sản vật quý lạ cho vua Đinh, xin được tiếp tục trao đổi. Sự trao đổi buôn bán này đã kích thích các ngành nghề thủ công trong nước phát triển, sản phẩm không những tăng về số lượng mà còn tăng cả về chất lượng.

Đến thời Tiền Lê, do đào thêm sông, đắp thêm đường, thống nhất tiền tệ... đã tạo thuận lợi cho việc buôn bán trong nước và với nước ngoài phát triển, đặc biệt là vùng biên giới Việt – Tống.

Mục 2 – Đời sống xã hội và văn hoá

* Khi trình bày về tổ chức xã hội, GV vẽ sơ đồ lên bảng (nên chuẩn bị sẵn).

Dựa theo sơ đồ đó, GV phân tích và lí giải các điểm sau :

– Giải thích tại sao một số nhà sư lại thuộc tầng lớp thống trị và cũng là trả lời câu hỏi tại sao các nhà sư lại được trọng dụng (do lúc này, đạo Phật có điều kiện truyền bá rộng rãi hơn trước ; giáo dục chưa phát triển nên số người được đi học rất ít, mà phần lớn người có học là các nhà sư nên họ được nhân dân và nhà nước rất quý trọng).

GV có thể minh hoạ bằng câu chuyện đối đáp của nhà sư Đỗ Thuận với sứ thần nhà Tống là Lý Giác. Đó là vào năm 987, nhà Tống sai Lý Giác sang sứ nước ta. Vua Lê sai Đỗ Thuận giả làm người chèo thuyền đưa sứ giả qua sông. Bỗng thấy hai con ngỗng bơi trên mặt nước, Lý Giác bèn ngâm :

*Ngỗng kia ngỗng một đôi
Ngửa mặt nhìn chân trời.*

Đỗ Thuận đang cầm chèo liền đọc theo :

*Lông trắng phỏ nước biếc
Chèo hồng rẽ sóng bơi (ý chỉ đôi chân ngỗng).*

– Chỉ rõ thành phần chủ yếu trong xã hội là nông dân, đó là những người dân tự do, cày ruộng công làng xã. Quyền lợi của họ gắn bó với làng, với nước ; cuộc sống của họ còn đơn giản, bình dị.

– Tầng lớp nô tì chiếm số lượng không nhiều, họ có đời sống khổ cực nhất và là tầng lớp dưới cùng của xã hội.

Khi nêu các hoạt động văn hoá, GV chú ý nhấn mạnh các chi tiết :

– Vào những ngày vui, vua cũng thích đi chân đất, cầm chiếc xiên lọi ao đầm cá. Cử chỉ này chứng tỏ điều gì ? (GV hướng dẫn HS trao đổi để thấy rõ thời đó sự phân biệt giàu–nghèo, sang–hèn chưa sâu sắc, quan hệ vua-tôi chưa có khoảng cách lớn).

– Vùng nào cũng có lò vật, trai gái đều chuộng võ, ca hát nhảy múa phát triển... Điều này chứng tỏ nhân dân ta không những có tinh thần thượng võ, mà còn thích ca hát, nhảy múa và từng bước tạo nên nền nghệ thuật sân khấu (chèo) của mình.

3. Gợi ý trả lời câu hỏi kiểm tra cuối bài

– Câu 1 : Nguyên nhân chính là do đất nước được độc lập tự chủ, đồng thời cũng do ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

– Câu 2 : So với trước, đây là bước tiến quan trọng, trong đó chú ý đến sự phát triển của Phật giáo và các lễ hội được tiếp tục phát huy.

V - Tài liệu tham khảo

(Về lăng vua Đinh và vua Lê)

Tương truyền, đền thờ vua Đinh và vua Lê được xây dựng trên nền cung điện chính thuở xưa, nằm ở trung tâm khu vực Thành Ngoại. Đền vua Đinh tựa lưng vào dãy núi Phi Vân, phía trước là Mã Vân Sơn. Theo lời các cố lão địa phương thì đền được xây dựng từ thời Lý. Ngoài cùng là Ngõ môn quan, tiếp đó là hồ sen, núi giả rồi đền Nghi môn ngoại (cổng ngoài), một con đường lát gạch, hai bên là vườn hoa, dẫn tới hai cột trụ cao có đôi câu đối nêu bật địa thế hiểm trở của núi non sông nước đất Hoa Lư. Gần đó là tấm bia lớn, dựng năm 1696 ca tụng công đức của vua Đinh. Qua hai cột trụ là đền sân Rồng. Giữa sân Rồng là một sập Rồng đặt trên bệ cao, dài 1m90, rộng 1m40 ; mặt sập và thành sập là một khối đá. Hai bên sập Rồng có đôi nghệ đá trông rất sống động.

Đền gồm ba lớp : ngoài là toà bái đường, giữa là gian thiên hương thờ Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ – bốn khai quốc công thần của triều đình nhà Đinh. Lớp trong cùng là toà chính cung, giữa có tượng Đinh Tiên Hoàng đúc bằng đồng, khoác mũ áo Thiên tử, ngồi trên bệ Rồng. Bên trái là

tượng Nam Việt Vương Đinh Liễn, bên phải là tượng Đinh Toàn, Đinh Hạng Lang đều là con trai vua.

Đền vua Lê cách đền vua Đinh khoảng nửa cây số, được xây gần một nhánh sông Hoàng Long, dựa vào núi Đìa, phía trước là núi Đền. Kiểu thức xây dựng đại thể cũng như đền vua Đinh : cũng có Nghi môn ngoài, hồ sen, núi giả, Nghi môn nội, sân Rộng, sập Rộng ; bia ca tụng công đức vua Lê Đại Hành được dựng năm 1608, ba toà bái đường, thiên hương và chính cung.

Vì ít được trùng tu do quan niệm "*coi trọng Đinh, coi thường Lê*" của các triều vua sau, nên đền của vua Lê còn giữ được nhiều dấu tích kiến trúc trang trí cổ, thể hiện rõ cảm hứng nghệ thuật phóng khoáng và tài năng điều luyện của các nghệ nhân đương thời.

Trong chính cung đền vua Lê, có đặt tượng vua Lê Đại Hành ngồi trên ngai vàng, mang dáng dấp võ tướng, bên phải là tượng Lê Long Đĩnh, bên trái là tượng Thái hậu họ Dương xiêm y lộng lẫy, nét mặt thanh tú.

Lăng vua Đinh Tiên Hoàng đặt trên đỉnh Mã Yên Sơn, giữa chỗ hơi vông xuống, hình yên ngựa, khá rộng rãi bằng phẳng. Đường lên lăng có gần 300 bậc đá, gập ghềnh, cheo leo. Lăng xây bằng đá tảng, có bệ thờ, lư hương cũng bằng đá. Trước lăng là tấm bia lớn ghi : "*Đinh triều Tiên Hoàng đế chi lăng*".

Lăng vua Lê Đại Hành đặt ở phía nam chân núi Mã Yên cũng xây bằng đá, trước lăng có bia. Hai bên lăng có hai quả núi nhỏ ứng với thế "*rồng chầu, hổ phục*".

Đứng bên lăng vua Đinh Tiên Hoàng trên đỉnh Mã Yên, có thể nhìn thấy toàn cảnh khu di tích cố đô Hoa Lư với núi non trùng điệp vây quanh, ở giữa là dòng Hoàng Long quanh co, uốn lượn.

Hằng năm, để tưởng nhớ công lao của người anh hùng đã dựng nên thống nhất độc lập cho đất nước, nhân dân vùng Trường Yên, Hoa Lư tung bừng mở hội vào ngày 10 - 3 âm lịch, là ngày sinh của Đinh Tiên Hoàng. Người bốn phương kéo về dự hội rất đông.

(Dẫn theo *Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong dạy và học theo SGK Lịch sử 7*, trang 10,11 và 12).